

MÔ TẢ

HI-PON 80-04 EPOXY PHENOLIC TOP COAT là sơn hai thành phần, gốc epoxy phenolic cho các bề mặt thép đã được thổi sạch và đã được sơn lót. Với khả năng kháng được nhiều loại hóa chất, Hi-pon 80-04 epoxy phenolic topcoat là loại sơn có độ bền cao, nhiều tính năng ưu việt cho các công trình thép, bê tông trong môi trường trên cạn hay ngâm.

MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG

Hệ thống sơn Hi-Pon 80-04 Epoxy Phenolic Top Coat được sử dụng rộng rãi để bảo vệ chống ăn mòn lâu dài bên trong các bồn chứa của nhiều loại hóa chất, dung môi, dầu thô, dầu cọ và các dẫn xuất dầu thực vật.

- . Được chứng nhận đạt tiêu chuẩn BS 6920 khi tiếp xúc với nước sạch
- . Được thử nghiệm theo Tiêu chuẩn EI 1541, Phần 2.2 và 3 đối với đường ống và bể chứa nhiên liệu hàng không
- . Đã được thử nghiệm theo Tiêu chuẩn Quốc phòng 80-97 Số 5 Phụ lục B
- . Tuân thủ FDA 21 CFR Part 175.300

ĐẶC TÍNH CHUNG

Màu	: Trắng sữa & Xám
Độ bóng	: Mờ
Hàm lượng rắn theo thể tích	: $65 \pm 2 \%$
Tỉ trọng	: 1.47 ± 0.05 kg/l (hỗn hợp)
Điểm bắt cháy	: Chất cơ sở là 13.3°C : Chất đóng rắn là 35°C : Hỗn hợp là 13.3°C
Hàm lượng VOC	: 290 g/l (EPA Method 24)
Độ dày màng sơn tiêu biểu	: 100 - 200 micron (màng sơn khô) : 154 - 308 micron (màng sơn ướt)

Sản phẩm phù hợp với Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 08:2020/BCT về giới hạn hàm lượng Chì trong sơn.

**CHUẨN BỊ BỀ MẶT**

Tất cả các bề mặt phải sạch và không bị nhiễm bẩn. Bề mặt phải được đánh giá và xử lý theo tiêu chuẩn ISO 8504.

Dầu hoặc mỡ phải được loại bỏ bằng dung môi theo tiêu chuẩn SSPC-SP1.

Làm sạch theo phương pháp thổi hạt

Thổi hạt làm sạch bề mặt theo tiêu chuẩn Sa 2½ (ISO 8501-1) hoặc SSPC-SP10 để đạt độ nhám bề mặt 50 – 75 micron. Nếu gỉ sét xảy ra giữa quá trình thổi hạt và thi công thì bề mặt nên được thổi hạt lại để đạt được tiêu chuẩn quy định. Những khuyết điểm ở bề mặt do quá trình thổi hạt gây ra nên được mài mòn, lấp đầy hoặc xử lý một cách thích hợp.

Vùng hư hại

Vùng hư hại phải được thổi hạt làm sạch theo tiêu chuẩn Sa 2½ (ISO 8501-1) hoặc SSPC-SP10. Trong trường hợp không thể thổi hạt, làm sạch bằng phương pháp cơ học theo Tiêu chuẩn St 3 (ISO 8501-1) hoặc SSPC-SP3 cũng được chấp nhận. Sau khi chuẩn bị bề mặt tiến hành thi công sơn lót trước khi thi công Hi-Pon 80-04.

Bề mặt khác

Hi-Pon 80-04 có thể được sử dụng trên các loại bề mặt khác. Vui lòng liên lạc với Công ty Nippon Paint gần nhất để biết thêm thông tin.

ĐIỀU KIỆN THI CÔNG

Tránh thi công khi nhiệt độ dưới 10°C và độ ẩm lớn hơn 85%. Nhiệt độ bề mặt cần sơn phải lớn hơn điểm sương của môi trường xung quanh ít nhất là 3°C. Đảm bảo thông gió thích hợp và thông thoáng nhằm loại bỏ hơi dung môi.

**HƯỚNG DẪN THI
CÔNG**

Tỷ lệ pha trộn	: Chất cơ sở : chất đóng rắn = 6 : 1 (theo thể tích) Chất cơ sở và chất đóng rắn phải được khuấy trộn kỹ bằng máy khuấy cơ trước khi sử dụng.
Thời gian sử dụng hỗn hợp đã pha trộn	: 4 giờ ở 25°C
Độ phủ lý thuyết	: 6.5 m ² /lít (độ dày màng sơn khô 100 micron) : 3.3 m ² /lít (độ dày màng sơn khô 200 micron)

Dung môi pha loãng : Hi-Pon Epoxy Thinner**Dung môi rửa** : Hi-Pon Epoxy Thinner**PHƯƠNG PHÁP THI
CÔNG**

Nên sử dụng súng phun chân không. Thi công bằng cọ và con lăn thích hợp cho việc dặm vá và cho những diện tích rất nhỏ. Cần lưu ý để đạt được độ dày màng sơn khô theo yêu cầu.

DỮ LIỆU THI CÔNG

Phun chân không	Kích thước đầu phun	: 0.018" – 0.026"
	(Cỡ béc)	
	Áp lực vòi phun	: 150 - 200 bar
Thời gian khô	Nhiệt độ bề mặt nền	: 25°C 40°C
	Khô bề mặt	: 30 phút 20 phút
	Khô để xử lý	: 4 giờ 3 giờ
	Khô hoàn toàn	: 7 ngày 3 ngày
	Thời gian sơn lớp kế tiếp (tối thiểu)	: 4 giờ 3 giờ
	Thời gian sơn lớp kế tiếp (tối đa)	: 21 ngày 14 ngày

Lưu ý: Tất cả các đường hàn đều phải có lớp phủ sọc. Cần phải phát hiện lỗ chót để đảm bảo hệ thống không có lỗ chót.

Các thông số trên chỉ mang tính chất tham khảo. Thời gian sơn lớp kế tiếp thực tế có thể ngắn hơn hay dài hơn phụ thuộc vào độ dày màng sơn, độ thông thoáng, độ ẩm, hệ thống sơn bên dưới, các yêu cầu về vận chuyển sớm và độ bền cơ học. Một hệ thống sơn hoàn chỉnh sẽ được thể hiện trong bản thông số hệ thống sơn bao gồm tất cả những thông số và điều kiện cụ thể.

**KHẢ NĂNG CHỊU
NHIỆT****Khô, Khí quyển**

- Liên tục : 100 °C
- Tối thiểu : - 40 °C
- Không liên tục : 120 °C

Ướt, Ngâm

- Nước ngọt : 60 °C
- Dầu thô : 95 °C

Thời gian nhiệt độ không liên tục - tối đa 1 giờ

Nhiệt độ được liệt kê liên quan đến việc duy trì các đặc tính bảo vệ. Tính chất thẩm mỹ có thể bị ảnh hưởng ở nhiệt độ này. Khả năng chịu nhiệt bị ảnh hưởng bởi toàn bộ hệ thống sơn. Nếu được sử dụng như một phần của hệ thống sơn, cần đảm bảo tất cả các lớp trong hệ thống đều có khả năng chịu nhiệt tương tự.

**HỆ THỐNG SƠN ĐỀ
NGHỊ**

Các hệ sơn sau đây được đề nghị cho Hi-Pon 80-04 Epoxy Phenolic Top Coat:

Sơn lót:

- Hi-Pon 80-03 Epoxy Phenolic Primer

Để chọn hệ thống sơn cho ứng dụng khác, tham khảo các tài liệu của sản phẩm hoặc liên hệ với Công ty Nippon Paint để có sự tư vấn chuyên nghiệp.

ĐÓNG GÓI

Đơn vị	Chất cơ sở		Chất đóng rắn	
	Thể tích	Thể tích của thùng	Thể tích	Thể tích của thùng
5L	4.3L	5L	0.7L	1L
20L	17.2L	20L	2.8L	5L

BẢO QUẢN**Hạn sử dụng**

Chất cơ sở : 12 tháng (25°C) tối thiểu

Chất đóng rắn : 12 tháng (25°C) tối thiểu

Cần kiểm tra lại sơn sau thời gian này. Nhiệt độ cao trong quá trình lưu trữ có thể làm hạn sử dụng ngắn hơn và có thể dẫn đến sự keo đặc trong thùng chứa.

Đậy kín nắp thùng, lưu trữ ở khô ráo và thoáng mát, luôn tránh xa nguồn nhiệt và tia lửa.

THÔNG TIN AN TOÀN

- Sản phẩm này được sử dụng bởi những người thi công chuyên nghiệp. Tham khảo các thông tin an toàn trên bao bì và trong tài liệu an toàn (SDS) trước khi sử dụng sản phẩm.
- Thi công trong môi trường thông thoáng, tránh tiếp xúc trực tiếp với da, trường hợp tiếp xúc trực tiếp với da thì ngay lập tức rửa sạch bằng chất làm sạch thích hợp, xà phòng và nước.
- Khi bị bắn sơn vào mắt, nên rửa thật nhiều với nước sạch và tham vấn bác sỹ.
- Trong quá trình thi công cần tuyệt đối tránh ngọn lửa trực tiếp, việc hàn cắt và hút thuốc. Môi trường thi công phải được thông gió tốt.
- Nếu không rõ về việc sử dụng sản phẩm, hãy liên hệ với công ty Nippon Paint để được tư vấn.

KHUYẾN CÁO

Thông tin trong bảng dữ liệu này được đưa ra từ những kiến thức và kinh nghiệm thực tế tốt nhất của Nippon Paint. Người sử dụng có thể tham khảo ý kiến của Nippon Paint về sự phù hợp chung của sản phẩm cho nhu cầu của họ, tuy nhiên vẫn là trách nhiệm của mỗi người sử dụng để xác định sự phù hợp của sản phẩm cho mục đích sử dụng cụ thể. Các điều kiện của bề mặt và điều kiện thi công không nằm trong sự kiểm soát của Nippon Paint. Vì vậy không có điều kiện mặc định, bảo hành hoặc các điều khoản khác sẽ áp dụng cho các sản phẩm. Nippon Paint không và không thể đảm bảo các kết quả mà người dùng có thể có được khi sử dụng sản phẩm. Trong mọi trường hợp Nippon Paint sẽ không chịu trách nhiệm với người sử dụng cho bất kỳ sự cố nào (dù trực tiếp hay gián tiếp) ngay cả khi Nippon Paint đã có những khuyến cáo trước đó. Điều này phù hợp với chính sách của công ty Nippon Paint cho sự phát triển lâu dài. Công ty Nippon Paint có quyền cải tiến sản phẩm và điều chỉnh các thông tin trong bảng dữ liệu này mà không cần thông báo trước. Người sử dụng có trách nhiệm liên lạc với công ty Nippon Paint để có phiên bản mới nhất của bảng dữ liệu này. Bảng dữ liệu này đã được dịch sang các ngôn ngữ khác nhau. Trong trường hợp không thống nhất, bản tiếng Anh sẽ áp dụng.